

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 45/2022/HS-ST

Ngày 13 - 05 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Thịnh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Đình Tuấn;

Ông Nguyễn Nhật Chiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/HSST ngày 29/4/2022 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 20/2022/QĐST-HS ngày 05/05/2022 đối với các bị cáo:

1. **Đ**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 12 năm 1990 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đường P, khối T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: D và bà: T, vợ: G, sinh năm: 1994; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/01/2022. Có mặt.

2. **C**; sinh ngày 03 tháng 01 năm 2000, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã H1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: P và bà: H, vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/01/2022. Có mặt.

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh P, địa chỉ: Đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
2. Chị L, địa chỉ: Thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
3. Chị Q, địa chỉ: Đường Q, phường, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
4. Anh T, địa chỉ: Đường Q, phường K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
5. Chị T1, địa chỉ: khu nhà X, phường K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
6. Chị N, địa chỉ: Đường T3, phường T3, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vắng mặt;
7. Chị T2, địa chỉ: Thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2020, Đ bắt đầu cho vay lãi nặng dưới hình thức “bát họ” và vay lãi ngày, người vay không cần thế chấp tài sản. Đối với hình thức vay bát họ, mỗi bát họ 10.000.000 đồng, Đ cắt lãi trước 25% số tiền vay, thời hạn vay là 50 ngày. Với hình thức vay lãi ngày, Đ tính lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm), lãi ngày đầu được Đ cắt luôn, 10 ngày người vay phải đóng lãi cho Đ một lần dựa trên số tiền vay cho đến khi trả được gốc.

Để thực hiện việc cho vay, Đ thuê C để làm nhiệm vụ hướng dẫn người vay viết giấy vay tiền hoặc tự C viết giấy vay tiền, xác minh điều kiện kinh tế và đi thu tiền lãi, tiền gốc của người vay, mỗi tháng Đ trả cho C 5.000.000 đồng tiền công.

Quá trình cho vay được Đ ghi chép vào sổ theo dõi cá nhân các thông tin về số tiền vay, ngày trả, số tiền trả của người vay. Về lãi suất cho vay được tính như sau: Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/ năm (lãi suất năm) và sẽ được tính theo công thức lãi suất tính lãi = (số tiền lãi ngày x 365 ngày)/số dư trừ số dư thực tế hoặc lãi suất tính lãi = (số tiền lãi x 365 ngày)/(số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế). Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa 20%/ năm, tương ứng 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ ngày. Số tiền lãi được hưởng theo quy định được tính theo công thức: Tiền lãi hợp pháp = (Số dư thực tế X Số ngày duy trì số dư thực tế x 20%)/365 ngày. Tiền lãi hợp pháp = Số tiền lãi tính cho người vay – Tiền lãi hợp pháp. Số ngày duy trì thực tế là số ngày bị cáo thỏa thuận với người vay (50 ngày đối với hình thức vay bát họ). Cụ thể Đ đã cho những người vay tiền như sau:

**1. Khoản vay của P:** Ngày 13/10/2021, Đ cho P vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay bát họ và chỉ đạo C hướng dẫn P viết giấy vay tiền, yêu

cầu để lại Giấy phép lái xe, Căn cước công dân của P; sau đó Đ đưa cho P 7.500.000 đồng, cắt lãi trước 2.500.000 đồng, P phải trả tiền gốc cho Ngô Văn Đ trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này P đã trả xong cho Đ.

Với số tiền Đ cho P vay 10.000.000 đồng, đã thu tiền lãi 2.500.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/ năm, lãi hợp pháp là 273.975 đồng, thu lợi bất chính là 2.226.025 đồng.

**2. Khoản vay của L:** Ngày 24/10/2021, Đ cho L vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức bất hộ và chỉ đạo C hướng dẫn L viết giấy vay tiền, sau khi viết xong giấy vay tiền, Đ đưa cho L 7.500.000 đồng, cắt lãi trước 2.500.000 đồng, L phải trả tiền gốc cho Ngô Văn Đ trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này L còn nợ 9.600.000 đồng.

Với số tiền Đ cho L vay 10.000.000 đồng, đã thu tiền lãi 2.500.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/ năm, lãi hợp pháp là 273.975 đồng, thu lợi bất chính là 2.226.025 đồng.

**3. Khoản vay của Q:** Ngày 16/10/2021, Đ cho Q vay số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức vay lãi ngày và chỉ đạo C hướng dẫn Q viết giấy vay tiền, để lại Chứng minh nhân dân, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày Q phải trả tiền lãi một lần là 1.000.000 đồng. Khoản vay này, Q đã trả tiền lãi được 70 ngày, tương đương số tiền 7.000.000 đồng và chưa trả tiền gốc.

Ngày 29/11/2021, Q tiếp tục vay Đ số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay lãi ngày, Đ chỉ đạo C hướng dẫn Q viết giấy vay tiền, lãi suất tính như lần vay đầu. Khoản vay này Q đã trả tiền lãi được 30 ngày, tương đương số tiền 1.500.000 đồng và chưa trả tiền gốc.

Tổng cộng Đ cho Q vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 8.500.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/ năm, lãi hợp pháp là 1.123.297 đồng, thu lợi bất chính là 7.376.703 đồng.

**4. Khoản vay của T:** Ngày 19/10/2021, Đ cho T vay số tiền 25.000.000 đồng theo hình thức vay lãi ngày và chỉ đạo C hướng dẫn T viết giấy vay tiền, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày T trả lãi một lần là 1.250.000 đồng. Khoản vay này, T đã trả tiền lãi được 70 ngày, tương đương 8.750.000 đồng và chưa trả tiền gốc.

Với số tiền Đ cho T vay 25.000.000 đồng, đã thu lãi 8.750.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/ năm, lãi hợp pháp là 1.095.900 đồng, thu lợi bất chính là 7.654.100 đồng.

**5. Khoản vay của T1:** Ngày 26/8/2021, Đ cho T1 vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay lãi ngày và chỉ đạo C hướng dẫn T1 viết giấy vay tiền, yêu cầu T1 để lại sổ Hộ khẩu và Căn cước công dân, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày T1 trả lãi một lần là 500.000 đồng. Khoản vay này, T1 trả tiền lãi được 40 ngày, tương đương 2.000.000 đồng và chưa trả tiền gốc.

Ngày 13/10/2021, T1 tiếp tục vay Đ số tiền 30.000.000 đồng, Đ chỉ đạo C hướng dẫn T1 viết lại giấy vay tiền, lãi suất Đ tính với T1 như lần vay đầu, khoản vay này Đ quy định sẽ cộng thêm 10.000.000 đồng tiền gốc lần vay đầu mà T1 chưa trả được thành 40.000.000 đồng, tiền lãi tính theo lần vay thứ hai, cứ 10 ngày T1 phải trả một lần là 2.000.000 đồng. Khoản vay này T1 đã trả tiền lãi được 80 ngày, tương đương 16.000.000 đồng và chưa trả được tiền gốc.

Tổng cộng Đ cho T1 vay tổng số tiền là 40.000.000 đồng, số tiền lãi Đ đã thu là 18.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/ năm, lãi hợp pháp là 2.153.443 đồng, thu lợi bất chính là 15.846.557 đồng.

**6. Khoản vay của N:** Ngày 11/11/2021, N đặt vấn đề vay của C số tiền 15.000.000 đồng theo hình thức vay bất hộ, C nói lại với Đ, Đ đồng ý; sau khi hướng dẫn N viết giấy vay tiền xong, C lấy tiền của Đ đưa cho N 11.250.000 đồng, cắt lãi trước 3.750.000 đồng, N phải trả tiền gốc trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này N đã trả xong tiền gốc.

Với số tiền Đ cho N vay 15.000.000 đồng, đã thu lãi 3.750.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/ năm, lãi hợp pháp là 410.963 đồng, thu lợi bất chính là 3.339.038 đồng.

**7. Khoản vay của T2:** Ngày 05/9/2021, Đ cho T2 vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay bất hộ và chỉ đạo C hướng dẫn T2 viết giấy vay tiền, yêu cầu T2 để lại sổ Hộ khẩu, Căn cước công dân. Sau đó Đ đưa cho T2 7.500.000 đồng, cắt lãi trước 2.500.000 đồng, T2 phải trả tiền gốc cho Đ trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này T2 đã trả xong cho Đ.

Ngày 27/9/2021, T2 tiếp tục vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng, cách thức cho vay và lãi suất Đ thực hiện và tính như lần vay đầu, Đ cắt lãi trước 2.500.000 đồng, T2 phải trả tiền gốc cho Đ trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này T2 còn nợ 5.800.000 đồng tiền vay gốc.

Tổng cộng, Đ cho T2 vay số tiền 20.000.000 đồng, số tiền lãi Đ đã thu là 5.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/ năm, lãi hợp pháp là 547.950 đồng, thu lợi bất chính là 4.452.050 đồng.

Như vậy Đ, C đã cho 07 người vay tiền với tổng số tiền 150.000.000 đồng, thu lãi hợp pháp là 5.879.503 đồng, thu lợi bất chính 43.120.498 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Anh P có ý kiến: Ngày 13/10/2021, anh vay số tiền Đ 10.000.000 đồng theo hình thức vay bất hộ sau đó Đ đưa cho anh 7.500.000 đồng, cắt lãi trước 2.500.000 đồng, anh phải trả tiền gốc cho Đ trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này anh đã trả xong cả gốc và lãi cho Đ. Vụ án này anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L có ý kiến: Ngày 24/10/2021, chị vay Đ số tiền 10.000.000 Đ theo hình thức bất hộ, Đ đưa cho chị 7.500.000 đồng, cắt lãi trước 2.500.000 đồng, chị phải trả tiền gốc cho Đ trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần.

Khoản vay này chị còn nợ 9.600.000 đồng. Vụ án này chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Q có ý kiến: Ngày 16/10/2021, Q vay Đ số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức vay lãi ngày, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày Q phải trả tiền lãi một lần là 1.000.000 đồng. Khoản vay này, Q đã trả tiền lãi được 70 ngày, tương đương số tiền 7.000.000 đồng và chưa trả tiền gốc. Ngày 29/11/2021, Q tiếp tục vay Đ số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay lãi ngày, Đ chỉ đạo C hướng dẫn Q viết giấy vay tiền, lãi suất tính như lần vay đầu. Khoản vay này Q đã trả tiền lãi được 30 ngày, tương đương số tiền 1.500.000 đồng và chưa trả tiền gốc. Vụ án này chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Anh T có ý kiến: Ngày 19/10/2021, anh vay Đ số tiền 25.000.000 đồng theo hình thức vay lãi ngày, anh đã được Lã Kiên C hướng dẫn viết giấy vay tiền, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày anh trả lãi một lần là 1.250.000 đồng. Khoản vay này, anh đã trả tiền lãi được 70 ngày, tương đương 8.750.000 đồng và chưa trả tiền gốc. Vụ án này anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T1 có ý kiến Ngày 26/8/2021, chị đã vay Đ số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay lãi ngày. Đ chỉ đạo C hướng dẫn chị viết giấy vay tiền, yêu cầu chị để lại sổ hộ khẩu và Căn cước công dân, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày chị trả lãi một lần là 500.000 đồng. Khoản vay này, chị đã trả tiền lãi được 40 ngày, tương đương 2.000.000 đồng và chưa trả tiền gốc.

Ngày 13/10/2021, chị tiếp tục vay Đ số tiền 30.000.000 đồng, Đ chỉ đạo C hướng dẫn chị viết lại giấy vay tiền, lãi suất Đ tính với chị như lần vay đầu, khoản vay này Đ quy định sẽ cộng thêm 10.000.000 đồng tiền gốc lần vay đầu mà chị chưa trả được thành 40.000.000 đồng, tiền lãi tính theo lần vay thứ hai, cứ 10 ngày chị phải trả một lần là 2.000.000 đồng. Khoản vay này chị đã trả tiền lãi được 80 ngày, tương đương 16.000.000 đồng và chưa trả được tiền gốc. Vụ án này chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Chị N có ý kiến: Ngày 11/11/2021, chị đặt vấn đề vay của C số tiền 15.000.000 đồng theo hình thức vay bất họ, C nói lại với Đ, Đ đồng ý; sau khi hướng dẫn N viết giấy vay tiền xong, C lấy tiền của Đ đưa cho chị 11.250.000 đồng, cắt lãi trước 3.750.000 đồng, N phải trả tiền gốc trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này chị đã trả xong tiền gốc. Vụ án này chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T2 có ý kiến: Ngày 05/9/2021, chị vay Đ số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay bất họ, Đ và chỉ đạo C hướng dẫn chị viết giấy vay tiền, Đ đưa cho chị 7.500.000 đồng, cắt lãi trước 2.500.000 đồng, chị phải trả tiền gốc cho Đ trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này chị đã trả xong cho Đ.

Ngày 27/9/2021, chị tiếp tục vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng, cách thức cho vay và lãi suất Đ thực hiện và tính như lần vay đầu, Đ cắt lãi trước 2.500.000 đồng, chị phải trả tiền gốc cho Đ trong thời hạn 50 ngày, cứ 10 ngày trả một lần. Khoản vay này chị còn nợ 5.800.000 đồng tiền vay gốc. Vụ án này chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị xin tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại Bản cáo trạng số 37/CT-VKSLS-P1, ngày 28 tháng 03 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Đ và bị cáo C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Đ có ý kiến: Cáo trạng đã truy tố đúng. Vào tháng 4/2022 anh T đã trả cho bị cáo 25.000.000 đồng tiền gốc. Bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả tại thi hành án dân sự thành phố L; Hiện nay bị cáo đi làm xuất nhập khẩu, thu nhập 1 tháng trung bình khoảng 5.000.000 đến 7.000.000 đồng/ tháng.

Bị cáo C có ý kiến: hiện giờ bị cáo đi làm shipper thu nhập không ổn định, ai gọi ship hàng thì bị cáo đi, thu nhập 1 tháng khoảng 3.000.000 đồng /tháng. Bị cáo không có tài sản gì cả, sống cùng bố mẹ. Bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả tại thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đ và bị cáo C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 36, 58 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đ mức hình phạt chính: từ 18 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị. khấu trừ thu nhập 5% thu nhập hàng tháng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đề nghị xử phạt bị cáo C mức hình phạt chính: từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị; Về khấu trừ thu nhập: Do bị cáo C không có tài sản, thu nhập không ổn định nên không đề nghị áp dụng.

\* Đề nghị truy thu của bị cáo Đ số tiền gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo Đ tổng cộng là 64.600.000 đồng là phương tiện phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước.

\* Đề nghị Truy thu của bị cáo Đ tiền lãi 20 % có được từ hành vi phạm tội là 5.879.503 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

\*Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Đ phải trả lại tiền thu lời bất chính cho những người vay bao gồm:

- Trả lại anh P: 2.226.025 đồng;

- Trả lại chị L: 2.226.025 đồng
- Trả lại chị Q: 7.376.703 đồng;
- Trả lại anh T: 7.654.100 đồng
- Trả lại chị T1: 15.846.557 đồng
- Trả lại chị N: 3.339.038 đồng
- Trả lại chị T2: 4.452.050 đồng

\*Đề nghị Hội đồng xét xử buộc những người vay phải nộp vào ngân sách nhà nước tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo Đ cụ thể:

- Chị L phải nộp 9.600.000 đồng;
- Chị Q phải nộp 30.000.000 đồng;
- Chị T1 phải nộp 40.000.000 đồng;
- Chị T2 phải nộp 5.800.000 đồng

\* Về xử lý vật chứng; Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước vì liên quan đến hành vi phạm tội: 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, có lắp sim số 0355557099 thu giữ của bị cáo C; 01 điện thoại Iphone 6, màu ghi đen, có lắp sim 0978899190 thu giữ của bị cáo Đ.

\* Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước;

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận;

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã ăn năn hối hận về hành vi của bản thân, xin mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Đ, C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2021, các bị cáo Đ, C đã cho 07 người trên địa bàn thành phố L là P, L, Q, T, T1, N, T2 vay tổng số tiền

150.000.000 đồng với lãi suất 182,5%/ năm, trong đó lãi hợp pháp là 5.879.503 đồng, thu lợi bất chính 43.120.498 đồng. Với hành vi như trên có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Đ và C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích công dân cần được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích lợi nhuận, các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu lãi suất quá cao. Do vậy cần phải xử lý tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Để cá thể hóa hình phạt, cần xem xét:

[4] Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm, trong đó bị cáo Đ là người đã thuê bị cáo C để cho vay, thu nợ từ người vay, nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo Đ giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo C là người đồng phạm giúp sức và là người thực hành khi trực tiếp cho người dân vay tiền theo chỉ định của bị cáo Đ, giúp bị cáo Đ theo dõi, thu nợ từ người vay.

[5] Bị cáo Đ: Về nhân thân ngoài lần bị truy tố và đưa ra xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo chưa bị truy tố, xét xử về hành vi phạm tội nào khác; không bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm gì nên được coi là có nhân thân tốt, Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố L để khắc phục hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Bị cáo C: Về nhân thân ngoài lần bị truy tố và đưa ra xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo chưa bị truy tố, xét xử về hành vi phạm tội nào khác; không bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm gì nên được coi là có nhân thân tốt. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy các bị cáo có địa chỉ rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36



Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án cải tạo không giam giữ là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Về việc khấu trừ thu nhập: Bị cáo Đ có thu nhập, có tài sản nên Hội đồng xét xử khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ với mức 5% thu nhập bằng 300.000 đồng/ tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo C có thu nhập thấp, không ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo thu nhập không ổn định, bị cáo C không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đ và C.

[10] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 43 Bộ luật hình sự: Đối với số tiền gốc mà những người vay là P đã trả 10.000.000 đồng; L đã trả 400.000 đồng; N đã trả 15.000.000 đồng; T đã trả 25.000.000 đồng; T2 đã trả 14.200.000 đồng cho bị cáo Đ tổng cộng là 64.600.000 đồng, đây là phương tiện phạm tội cần truy thu của bị cáo Đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với số tiền lãi 20 % mà Đ đã thu từ những người vay, cụ thể thu của P 273.975 đồng; thu của L 273.975, thu của Q 1.123.297 đồng, thu của T là 1095.900 đồng, thu của T1 là 2.153.443 đồng, thu của N là 410.963 đồng, thu của T2 là 547.950 đồng, tổng cộng là 5.879.503 đồng. Đây là tiền Đ có được từ hành vi phạm tội nên truy thu của bị cáo Đ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với số tiền lãi vay vượt quá lãi suất vượt quá quy định của pháp luật (20%/01 năm) Buộc bị cáo Đ phải trả lại tiền thu lãi bất chính cho người vay bao gồm: trả lại anh P: 2.226.025 đồng; trả lại chị L: 2.226.025 đồng; trả lại chị Q: 7.376.703 đồng; trả lại anh T: 7.654.100 đồng; trả lại chị T1: 15.846.557 đồng; trả lại chị N: 3.339.038 đồng; trả lại chị T2: 4.452.050 đồng

[13] Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo Đ, đây là phương tiện phạm tội, cần buộc những người vay phải nộp vào ngân sách nhà nước cụ thể: Chị L phải nộp 9.600.000 đồng; chị Q phải nộp 30.000.000 đồng; chị T1 phải nộp 40.000.000 đồng; chị T2 phải nộp 5.800.000 đồng

[14] Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành

[15] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, có lắp sim số 0355557099 thu giữ của bị cáo C; 01 điện thoại Iphone 6, màu ghi đen, có lắp sim 0978899190 thu giữ của bị cáo Đ. Các bị cáo đã dùng để liên lạc để cho vay, thu nợ cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội:

[16] Ngoài ra Đ và C khai nhận còn cho người khác vay lãi nhưng không nhớ người vay, do người vay đã trả hết tiền gốc và tiền lãi nên bị cáo đã hủy bỏ giấy tờ liên quan, không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Về án phí: Bị cáo Đ và C bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[18] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tại phiên tòa hôm nay chưa phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Do vậy đề nghị của Viện kiểm sát phần nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ thì được chấp nhận, phần nào chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chưa có căn cứ thì không được chấp nhận.

[19] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, điều 201, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 36; 47; 17, 46; 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ và bị cáo C,

Căn cứ khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đ và bị cáo C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn ấn định thời gian người chấp hành có mặt tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo Đ chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ mỗi tháng là 300.000 đồng/tháng; tổng số tiền khấu trừ thu nhập trong 12 tháng là 3.600.000 đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2.2 Xử phạt bị cáo C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn ấn định thời gian người chấp hành có mặt tại Ủy ban nhân dân xã H1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã H1, thành phố L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

### 3. Về biện pháp tư pháp

3.1 Truy thu của bị cáo Đ số tiền gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 64.600.000 đồng và tiền lãi 20 %, có được từ hành vi phạm tội: 5.879.503 đồng; tổng cộng số tiền bị cáo Đ phải truy thu để sung vào Ngân sách nhà nước là 70.479.503 đồng;

3.2 Trả lại bị cáo Đ số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001003, ngày 25/4/2022 tại thi hành án dân sự thành phố L. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3.3 Buộc bị cáo Đ phải trả lại tiền thu lời bất chính cho người vay bao gồm:

- Trả lại anh P: 2.226.025 đồng;
- Trả lại chị L: 2.226.025 đồng
- Trả lại chị Q: 7.376.703 đồng;
- Trả lại anh T: 7.654.100 đồng
- Trả lại chị T1: 15.846.557 đồng
- Trả lại chị N: 3.339.038 đồng
- Trả lại chị T2: 4.452.050 đồng

3.4 Buộc những người vay phải nộp vào ngân sách nhà nước tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo Đ, cụ thể:

- Chị L phải nộp 9.600.000 đồng;
- Chị Q phải nộp 30.000.000 đồng;
- Chị T1 phải nộp 40.000.000 đồng;
- Chị T2 phải nộp 5.800.000 đồng

3.5 Trả lại bị cáo C 10.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001004, ngày 25/4/2022 tại thi hành án dân sự thành phố L. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với thời gian chậm thi hành

### 5. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội: 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, số Imei 352065066590800 có lắp sim số 0355557099 thu giữ của bị cáo C; 01 điện thoại Iphone 6, màu ghi đen, số Imei 35095406678960 có lắp sim 0978899190 thu giữ của bị cáo Đ.

*(Các vật chứng, tài sản trên được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/03/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L tỉnh Lạng Sơn)*

6. Về án phí: Bị cáo Đ và bị cáo C mỗi người phải chịu phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T Lạng Sơn;
- CA TP Lạng Sơn, T Lạng Sơn (02 bản);
- Chi cục THADS TP L, T Lạng Sơn;
- 

Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

hồ

sơ.

**Nguyễn Kim Thịnh**